TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2018/HC-PT
Ngày: 03/10/2018
"*V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực xây dựng".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quyết Thắng.

Các Thẩm Phán: Bà Trần Thị Khánh Vân và ông Hoàng Hữu Khoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 03/10/2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2018/ TLPT-HC ngày 29/6/2018 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực xây dựng". Do bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2018/HCST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2018/QĐ-PT ngày 24/8/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 288/2018/TB-TA ngày 17/9/2018, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Ngọc C

Địa chỉ: Tổ 8, phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai - có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn D

Địa chỉ: Tổ 8, phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai

Theo giấy ủy quyền số chứng thực 31 quyển số 01 –SCT/CK,CĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại UBND phường A - có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Trọng T

Địa chỉ: Số nhà 001, đường N3, khu tái định cư B, thành phố C, tỉnh Lào Cai.

Theo giấy ủy quyền số công chứng 2957, Quyển số 08.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2018 thuộc phòng Công chứng số 1 tỉnh Lào Cai - có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Tổ 20, phường A, thành phố C – Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Tổ 20, phường A, thành phố C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Ngọc H - Chủ tịch – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Phạm Ngọc C là người đang quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 6000m^2 do nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay với ông Tân, bà Mây, khi mua đã có một lán trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và cây lâu năm, cây ngắn ngày. Gia đình ông C chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ tháng 2 đến tháng 8/2017 UBND phường A nhiều lần đến khu lán trại lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đô thị, gia đình ông C không đồng ý vì không bắt được quả tang gia đình ông xây dựng công trình trái phép, lán trại đều do chủ cũ xây dựng. Ngày 02/10/2017 UBND phường A đã lập biên bản và huy động lực lượng tháo dỡ lán trại của ông C căn cứ vào thông báo số 138/TB-VP ngày 22/9/2017 về kết luận của đồng chí Tô Ngọc L - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

Ông C không đồng ý với việc cưỡng chế tháo dỡ lán trại của UBND phường A vì đây đất trồng cây lâu năm chuyển đổi sang đất chăn nuôi, theo quy định của Luật đất đai, Luật xây dựng, Thông tư 02/2015 của Bộ tài nguyên và Môi trường thì không phải xin phép; ngoài ra trước khi cưỡng chế UBND phường không ban hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực xây dựng, không có quyết định cưỡng chế phá dỡ. Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, chỉ đạo tháo dỡ lán trại nuôi gia súc, gia cầm của gia đình ông Phạm Ngọc C ngày 02/10/2017 là trái quy định pháp luật; Yêu cầu bồi thường thiệt hại gồm chuồng khung sắt 03 gian lợp tôn xung quanh vây lưới thép B40 = 39.000.000 đồng; Bồi thường thiệt hại 65 ngày không có chỗ nuôi nhốt gà đẻ trứng 65 ngày x 300.000 đông/ngày = 19.500.000 đồng; Bồi thường uy tín, danh dự do bị xâm phạm là 10 tháng x 1.500.000 đồng = 15.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bồi thường 73.500.000 đồng.

Tại văn bản ghi ý kiến và bản tự khai của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 27/2/2017 UBND phường A đã lập biên bản vi phạm đối với hộ ông C về việc dựng chuồng trại chăn nuôi không có hồ sơ, giấy

phép được cấp có thẩm quyền cấp và yêu cầu gia đình tháo dỡ công trình vi phạm xong trước 14h ngày 28/2/2017 đối với 02 nhà khung thép mái tôn, 6 gian tổng diện tích 250 m2; Ngày 28/2/2017 ông C có nộp đơn xin cấp phép chuồng trại nhưng không có bất kỳ hồ sơ giấy tờ gì liên quan đến thửa đất đang sử dụng; Ngày 02/3/2017 do đã hết hạn tháo dỡ theo biên bản ngày 27/2/2017 nên UBND phường có thông báo số 18/TB-UBND yêu cầu ông C tháo dỡ công trình vi phạm xong trước 12h ngày 02/3/2017; Ngày 02/3/2017 UBND phường ban hành kế hoạch số 31/KH-UBND đã tổ chức lực lượng tháo dỡ công trình vi phạm nhà ông C. Trong quá trình tháo dỡ hộ gia đình ông C có xin cam kết hoàn thiện hồ sơ, không đòi hỏi thống kê bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nên lực lượng chỉ tháo dỡ 2 gian mái tôn của gia đình; Ngày 21/3/2017 UBND phường kiểm tra phát hiện ông C tiếp tục dựng 1 nhà khung thép mái tôn, 3 gian diện tích 112m2, UBND phường đã lập biên bản vi phạm hành chính số 30/BB-ĐCXD; Ngày 21/6/2017 UBND phường tổ chức cuộc họp xin ý kiến các phòng ban thống nhất đồng ý cho hộ ông C hoàn thiện giấy phép theo quy định. Nhưng sau 60 ngày kể từ khi lập biên bản hộ ông C không hoàn thiện được; UBND phường đã có văn bản số 202/UBND-ĐCXD ngày 20/7/2017 báo cáo khó khăn vướng mắc trong công tác cấp phép, quản lý cấp phép chuồng trại trong đó có trường hợp của ông C. UBND thành phố đã có văn bản chỉ đạo số 1099/UBND-QLĐT ngày 11/8/2017; Ngày 14/9/2017 UBND phường tổ chức cuộc họp cùng các phòng ban thống nhất phương án xử lý vi phạm, UBND phường đã ban hành thông báo số 109/TB-UBND ngày 29/8/2017 yêu cầu ông C tháo dỡ công trình vi phạm. Kế hoạch tháo dỡ số 85/KH-UBND ngày 22/8/2017, Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 7/9/2017 do điều kiện thời tiết nên chưa thực hiện tháo dỡ được; Ngày 26/9/2017 UBND phường A đã ban hành kế hoạch số 95/KH-UBND về việc xử lý vi phạm trật tự đô thị, xây dựng đối với hộ ông C. Ngày 02/10/2017 UBND phường A cùng các phòng ban tổ chức lực lượng tháo dỡ công trình vi phạm hộ ông C tại tổ 8 phường A. Trong biên bản làm việc hộ ông C không đồng ý làm cam kết mà chỉ đồng ý cho lực lượng tháo dỡ 1 công trình vi phạm đang nuôi nhốt gà, diện tích 7x16m và ký vào biên bản làm việc, tại thời điểm đó có đầy đủ đại diện khu dân cư tổ dân phố và 4 người gia đình ông C.

Việc tự ý xây dựng các công trình trên đất khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép của ông Phạm Ngọc C đã vi phạm điểm a khoản 7 điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng và Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014

của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do vậy không đồng ý với các yêu cầu của Ông Phạm Ngọc C .

Bản án số 01/2018/HC - ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C,tỉnh Lào Cai quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 28, điểm d khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 87, Điều 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng; Căn cứ điểm a khoản 7 điều 13 nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc C về việc yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai đối với việc tổ chức cưỡng chế, tháo dỡ lán trại chăn nuôi gia súc, gia cầm của gia đình ông Phạm Ngọc C ngày 02/10/2017 là trái pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại của ông Phạm Ngọc C đối Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai yêu cầu bồi thường tiền 73.500.000 đồng

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/5/2018 ông Phạm Ngọc C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc C .

Ngày 19/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào cai kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND phường A là trái pháp luật và buộc UBND phường A bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn D, ông Bùi Trọng T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Cũng tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai có ý kiến: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng pháp luật, các đương sự chấp hành đúng luật tố tụng hành chính. Về kháng cáo của ông Phạm Ngọc C là có căn cứ và giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị số 08/QĐ – VKS – HC ngày 19 tháng 6 năm 2018 đề nghị Hội đồng xét xử phúc Sửa toàn bộ bản án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND phường A là trái pháp luật và buộc UBND

phường A bồi thường cho ông C số tiền 39.000.000 đồng, tiền vật liệu xây dựng 03 gian nhà khung săt, mái tôn (7x16m).

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét kháng cáo của ông Phạm Ngọc C và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A tổ chức tiến hành cưỡng chế buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của ông Phạm Ngọc C tại tổ 08, phường A. Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, chỉ đạo tháo dỡ lán trại nuôi gia súc, gia cầm của gia đình ông C ngày 02/10/2017 là trái quy định pháp luật; Yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 73.500.000 đồng. Như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính;

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Ngọc C là người đang quản lý sử dụng diện tích đất khoảng 6000m^2 do nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay với ông Tân, bà Mây. Gia đình ông C chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ tháng 2 đến tháng 8 năm 2017 UBND phường A đã nhiều lần đến khu lán trại lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đô thị. Căn cứ vào thông báo kết luận số 138/TB-VP ngày 22/9/2017 của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C. Ngày 02/10/2017 UBND phường A đã lập biên bản và huy động lực lượng tháo dỡ lán trại của ông C, trong biên bản làm việc hộ ông C không đồng ý làm cam kết mà chỉ đồng ý cho lực lượng tháo dỡ 1 công trình vi phạm đang nuôi nhốt gà, diện tích 7x16m và ký vào biên bản làm việc, tại thời điểm đó có đầy đủ đại diện khu dân cư tổ dân phố và gia đình ông C.

Xét thấy việc tự ý xây dựng các công trình trên đất khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép của ông Phạm Ngọc C đã vi phạm quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng thì Công trình xây dựng lán trại chăn nuôi của gia đình ông C không thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng, xong ông C đã tự ý xây dựng công trình khi chưa được cấp phép. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 180/NĐ – CP, ngày 07 tháng 12 năm 2007, thì việc ông Đào Nhật Quang – cán bộ phụ trách công tác xây dựng lập biên bản lập biên

bản vi phạm hành chính và yêu cầu tháo dỡ công trình vi phạm là đúng quy định và đúng thẩm quyền. Tuy nhiên Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND phường A chỉ đạo tổ chức cưỡng chế tháo dỡ lán trại chăn nuôi gia súc, gia cầm của ông C khi chưa có Quyết định đình chỉ thi công xây dựng và Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của người có thẩm quyền ban hành là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 23 và khoản 3 Điều 24 Nghị định 180/NĐ – CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị. Như vậy hành vi của Chủ tịch UBND phường A chỉ đạo cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của ông Phạm Ngọc C chỉ căn cứ vào thông báo kết luận số 138 ngày 22/9/2017 của UBND thành phố C là không đúng quy định của pháp luật, đã vi phạm về trình tự, thủ tục cưỡng chế phá dỡ theo Nghị định 180/NĐ – CP .

[3] Xét yêu cầu đòi bồi thường của ông Phạm Ngọc C:

Với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 39.000.000 đồng đối với 03 khung nhà sắt, mái tôn, bao lưới B40, diện tích 112 m^2. Xét thây đây là khung nhà được ông C tự ý xây dựng khi chưa được cấp phép và xây dựng trên đất chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, việc xây dưng trái phép này đã được UBND phường lập biên bản ngày. Như vậy việc xây dựng này là trái với quy định của pháp luật, buộc phải tháo dỡ. Tuy hành vi của Chủ tịch UBND phường A về việc chỉ đạo tháo dỡ công trinh vi phạm của ông C có sai phạm về trình tự, thủ tục trước khi thực hiện việc cưỡng chế, nhưng hành vi này không phải là hành vi gây ra thiệt hại về vật chất, bởi lẽ, công trình xây dựng của ông C là công trinh xây dựng trái phép, buộc phải tháo dỡ, sau khi thực việc tháo dỡ thì toàn bộ tài sản trên UBND phường không thu hồi mà trả lại cho gia đình ông C quản lý. Do vậy không có thiệt hại xảy ra do hành vi trái pháp luật của Chủ tịch UBND phường A, nên yêu cầu của ông C không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thương thiệt hại 65 ngày do không có chỗ nuôi nhốt gà đẻ trứng (65 ngày x 300.000 đồng/ngày = 19.500.000 đồng), nhưng ông C không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại, người làm chứng ông Nguyễn Văn Sơn khai ông được tham gia chứng kiến việc việc tháo dỡ lán trại của ông C với tư cách là đại diện khu dân cư thì toàn bộ số gà được nhốt trong gian lán trại được dồn ra bên ngoài trong khu vực gia đình ông C được quây kín bằng tôn và lưới B40, không có con gà nào chết hoặc sổng đi mất...”; Còn với yêu cầu bồi thường uy tín, danh dự do bị xâm phạm là 10 tháng x 1.500.000 đồng = 15.000.000 đồng. Thấy rằng UBND phường A đã vận động gia đình tự tháo dỡ tại biên bản làm việc ngày

02/3/2017 và biên bản làm việc ngày 21/6/2017 gia đình ông C, cam kết gia đình xin xây dựng công trình chăn nuôi khi nào nhà nước lấy gia đình tự tháo dỡ không đòi hỏi thống kê bồi thường; Tại biên bản làm việc ngày 02/10/2017, ông C đồng ý tháo dỡ nhà khung thép mái tôn 7 x16m. Như vậy xét thấy yêu cầu đòi bồi thường của ông C là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của ông Phạm Ngọc C và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phái theo quy định của pháp luật với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Đối với yều cầu đòi bồi thường về uy tín, danh dư của ông C thì không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 225; khoản 2 Điều 241; khoản 2Điều 349 Luật tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1.Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Ngọc C và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

2. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC - ST ngày 22/5/2018 của Toà án nhân dân thành phố C như sau:

Tuyên bố hành vi chỉ đạo tháo dỡ của Chủ tịch UBND phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai đối với công trinh xây dựng vi phạm của gia đình ông Phạm Ngọc C ngày 02/10/ 2017 là trái pháp luật.

Bác toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường số tiền 73.500.000 đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) của ông Phạm Ngọc C đối với UBND phường A, thành phố C, tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí:

Ông Phạm Ngọc C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Ông Phan Ngọc C phải chịu 2.925.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai lăm nghìn đông) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông Phạm Ngọc C đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AB/2012/0004749 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 00005201 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Lào Cai, được trừ vào tiền án phí DSST. Ông C còn phải nộp tiền án phí là 2.325.000 đồng ( ).

Chủ tịch UBND phường A phải chịu 300.000 đồng ( ) án phí hành chính sơ thẩm. UBND phường A không phải chịu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- Đương sự;
- VKSND tỉnh (2);
- Cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quyết Thắng